

Bản án số: 18/2025/DS-ST
Ngày: 04-6-2025
V/v tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÙ LAO DUNG, TỈNH SÓC TRĂNG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Phước Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Thành Tâm.

Ông Võ Thành phước.

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Tô Văn Thừa là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:* Bà Lâm Kiều Phương - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 03 và 04 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 64/2024/TLST-DS ngày 01 tháng 11 năm 2024, về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXXST-DS, ngày 16 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị [Nguyễn Thị Kim P](#), sinh năm 1978.

Địa chỉ: [Áp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng](#).

- *Bị đơn:* Chị [Nguyễn Thị C](#), sinh năm 1989.

Địa chỉ: [Áp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng](#).

Tất cả đều có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện lập ngày 31 tháng 5 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, nguyên đơn chị [Nguyễn Thị Kim P](#) trình bày:

- Vào ngày 26/4/2023, chị [Nguyễn Thị C](#) có vay của chị [P](#) 10.800.000 đồng.

- Vào ngày 03/5/2023, chị Nguyễn Thi C có vay của chị P 10.800.000 đồng.

- Vào ngày 29/7/2023, chị Nguyễn Thi C có vay của chị P 5.400.000 đồng.

Như vậy trong 03 lần vay tiền thì chị C vay của chị P tổng cộng 27.000.000 đồng. Thời hạn trả tiền vay là tháng 10/2023 sẽ trả dứt nợ. Lãi suất thỏa thuận là 3%/01 tháng.

Do quên biết khi chị C vay tiền chỉ nói miệng, không có lập văn bản hợp đồng vay tiền. Theo yêu cầu của chị C khi vay tiền thì chị P đưa tiền mặt, đưa trực tiếp cho chị C, nhưng khi chị C nhận tiền thì có ký nhận vào sổ theo dõi của chị P. Sau khi vay tiền thì chị C không có trả tiền lãi hàng tháng cho chị P. Đến thời hạn trả tiền vay gốc chị C không có trả nợ như đã thỏa thuận khi vay tiền. Vào ngày 18/10/2023, chị C có chốt nợ với chị P, chị C xác định tính đến tháng 10 năm 2023 chị C nợ chị P tổng cộng tiền vay gốc và lãi là 32.000.000 đồng. Chị C cam kết sẽ trả cho chị P số tiền này trong vòng 01 tháng. Hết thời hạn cam kết trả nợ, chị P có đến nhà chị C để yêu cầu chị C trả tiền cho chị P thì chị C cứ hẹn lần hẹn lựa chứ không chịu trả.

Đến ngày 08/02/2024, chị C chuyển trả cho chị P được 5.000.000 đồng (thông qua chuyển khoản). Đến ngày 09/04/2024, chị C chuyển trả cho chị P được 1.000.000 đồng (thông qua chuyển khoản). Như vậy, xác định hiện tại chị Nguyễn Thi C còn nợ số tiền là 26.000.000 đồng, cho đến nay chị C không có trả thêm khoản tiền nào cho chị P. Do chị C vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên chị P yêu cầu chị C phải trả thêm cho chị P khoản lãi là 1%/1 tháng/ số tiền 26.000.000 đồng, thời hạn chị P yêu cầu tính lãi từ ngày 09/4/2024 cho đến khi Tòa án xét xử vụ án.

Nay chị P yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết buộc chị Nguyễn Thi C có trách nhiệm hoàn trả lại cho chị P số tiền vay gốc là 26.000.000 đồng. Chị P yêu cầu chị C trả thêm cho chị P khoản lãi là 1%/1 tháng/ số tiền 26.000.000 đồng, thời hạn chị P yêu cầu tính lãi từ ngày 09/4/2024 cho đến khi Tòa án xét xử vụ án.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 27 tháng 11 năm 2024 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn chị Nguyễn Thi C trình bày:

Vào ngày 11/4/2023, chị C có vay số tiền 10.800.000 đồng (nhận tiền mặt) của chị Nguyễn Thi Kim P, vay trả góp mỗi ngày trả 400.000 đồng, trả trong thời hạn 30 ngày, trả vốn gốc và lãi tổng cộng là 12.000.000 đồng (số tiền vốn gốc 10.800.000 đồng, số tiền lãi là 1.200.000 đồng); 05 ngày chị C trả góp cho chị P 2.000.000 đồng, chị C đã trả góp cho chị P được số tiền 4.000.000 đồng, thì số tiền chị C còn phải trả cho chị P còn lại là 8.000.000 đồng.

Đến ngày 26/4/2023, chị P đưa thêm cho chị C số tiền 2.800.000 đồng, thì số tiền chị C còn nợ chị P tăng lên thành 10.800.000 đồng và tiếp tục trả góp mỗi ngày trả 400.000 đồng, trả trong thời hạn 30 ngày. Ngày 30/4/2023, chị C trả góp cho chị P số tiền 2.000.000 đồng; ngày 03/5/2023, chị C trả góp cho chị P số tiền 2.000.000 đồng.

Đến ngày 03/5/2023, chị P tiếp tục đưa thêm cho chị C số tiền 2.800.000 đồng, để thành số tiền 10.800.000 đồng và tiếp tục trả góp mỗi ngày trả 400.000

đồng, trả trong thời hạn 30 ngày, mỗi 05 ngày chị C trả góp cho chị P số tiền 2.000.000 đồng và chị C đã trả góp cho chị P như sau: Vào các ngày 08, 13, 18, 23, 28 tháng 5 năm 2023 và ngày 02/6/2023, mỗi ngày tương ứng với một lần trả tiền, mỗi lần chị C trả cho chị P số tiền 2.000.000 đồng. Ngày 09/6/2023, chồng chị C tên Huỳnh Quốc T, cùng địa chỉ áp A, xã A 3 với chị C đã chuyển khoản cho chị P trả dùm chị C số tiền 2.000.000 đồng. Đến các ngày 14, 19, 24, 29 tháng 6 năm 2023 và các ngày 04, 09, 14, 19, 24, 29 tháng 7 năm 2023, mỗi ngày tương ứng với một lần trả tiền, mỗi lần chị C trả cho chị P số tiền 2.000.000 đồng.

Ngày 29/7/2023, chị C vay của chị P số tiền 5.400.000 đồng (nhận tiền mặt), vay trả góp mỗi ngày trả 200.000 đồng, trả trong thời hạn 30 ngày, trả vốn gốc và lãi tổng cộng là 6.000.000 đồng (số tiền vốn gốc 5.400.000 đồng, số tiền lãi là 600.000 đồng). Đối với số tiền vay này do chị C không có trả góp theo thỏa thuận với chị P nên đến ngày 11/8/2023, chồng chị C (Huỳnh Quốc T) chuyển khoản cho chị P trả dùm chị C số tiền 1.000.000 đồng; ngày 30/8/2023, chồng chị C chuyển khoản cho chị P trả dùm chị C số tiền 300.000 đồng; ngày 15/9/2023, chồng chị C chuyển khoản cho chị P trả dùm chị C số tiền 600.000 đồng; ngày 08/02/2024, chồng chị C chuyển khoản cho chị P trả dùm chị C số tiền 5.000.000 đồng; ngày 09/4/2024, chồng chị C chuyển khoản cho chị P trả dùm chị C số tiền 1.000.000 đồng. Tất cả số tiền chồng chị C chuyển khoản từ ngày 11/8/2023 trả cho chị P đều là trả cho số tiền gốc và lãi của số tiền vay 5.400.000 đồng và tiền lãi suất của số tiền vay này.

Các lần chị C trực tiếp trả tiền cho chị P là chị C trả tiền mặt, có nhân viên của chị C chứng kiến nhưng nhân viên của chị C không chịu đứng ra làm chứng nên chị C không cung cấp họ tên, địa chỉ cho Tòa án. Tính đến nay, chị C đã trả tiền vay vốn gốc và tiền lãi cho chị P hết rồi, thậm chí còn vượt quá mức lãi suất quy định của pháp luật. Do đó, chị C không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của chị P.

Chữ ký và ghi họ tên Nguyễn Thị C ngang với dòng chữ: “Chung ngày 11/4/2023 10.800.000 2.000 2.000” là chữ ký và chữ viết của chị C ký nhận nợ số tiền vay 10.800.000 đồng vào ngày 11/4/2023.

Tin nhắn qua mạng xã hội Zalo ngày 18/10/2023 với nội dung “*Chi tong em thieu chi 2 day lon 21tr600 + 1 day nho 5tr400 phai kg chi*” nghĩa là “Chị tổng em thiếu chị 2 dây lớn 21.600.000 đồng + 1 dây nhỏ 5.400.000 đồng phải không chị”; “*Tong het la 27tr*” nghĩa là “Tổng hết là 27.000.000 đồng” và nội dung đoạn ghi âm chị C có gửi cho chị P là do chị C dùng mạng xã hội Zalo gửi tin nhắn và đoạn ghi âm cho chị P với nội dung chị C còn nợ chị P tổng cộng 27.000.000 đồng, chị C xin tính lãi thêm 5.000.000 đồng, chị C trả dần làm 02 lần, cuối tháng 9 năm 2023 âm lịch chị C trả trả 16.000.000 đồng, cuối tháng 10 năm 2023 âm lịch chị C trả 16.000.000 đồng là dứt nợ. Các tin nhắn và nội dung ghi âm trên, thì do chị C còn thiếu nợ chị P 5.400.000 đồng tính luôn lãi tổng cộng gốc lãi là 6.000.000 đồng. Do chị C không có khả năng trả nợ và nhiều lần chị P đến nhà làm khó chị C và không biết đến khi nào chị C mới trả được nợ cho chị P. Do vì công việc và giữ uy tín cho chị C và chị C nghĩ chị P nói cũng hợp lý,

chị P có yêu cầu nếu để việc trả nợ vô thời hạn và để cho chị C làm ăn yên ổn, chị P đến nhà và sau đó chị P điện thoại cho chị C bắt buộc chị C chốt nợ là 27.000.000 đồng như trên. Tại phiên tòa, chị C xin rút lại và không đồng ý chịu trách nhiệm với tin nhắn qua mạng xã hội Zalo với chị P.

* Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng là nguyên đơn, bị đơn kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung giải quyết vụ án: Xét thấy, yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn phải có trách nhiệm trả cho nguyên đơn số tiền nợ vay vốn gốc và lãi suất 1%/tháng là phù hợp với quy định của pháp luật. Tuy nhiên, theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn khởi kiện bị đơn trả số tiền 32.000.000 đồng trong đó có số tiền nợ gốc 27.000.000 đồng và tiền lãi 5.000.000 đồng, trừ đi số tiền bị đơn đã chuyển khoản trả nguyên đơn 6.000.000 đồng, nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả số tiền 26.000.000 đồng còn lại, số tiền lãi trên là quá cao so với quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự. Do đó, tại phiên tòa các đương sự yêu cầu tính lại tiền lãi là có căn cứ nên đề nghị Hội đồng xét xử tính lại số tiền lãi cho hợp lý, đúng quy định của pháp luật và khấu trừ số tiền bị đơn đã trả cho nguyên đơn tổng cộng 9.900.000 đồng, số tiền còn lại buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn.

Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử nghị án và tuyên án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn và thẩm quyền giải quyết: Khi chị Nguyễn Thị Kim P nộp đơn khởi kiện, thì người bị kiện là chị Nguyễn Thị Chung cư T1 tại ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Sóc Trăng. Chị P có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án buộc chị C phải trả số tiền vay còn nợ và yêu cầu tính lãi suất. Chị P đã nộp đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng và các tài liệu, chứng cứ kèm theo. Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung đã thụ lý đơn khởi kiện và thông báo cho chị P nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định của pháp luật và chị P đã thực hiện việc nộp tiền tạm ứng án phí đúng quy định. Như vậy, Tòa án nhân dân huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng thụ lý đơn khởi kiện của chị P là đúng thẩm quyền và đúng theo trình tự thủ tục tố tụng theo quy định tại khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 191 và Điều 195 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn số tiền vay vốn gốc tổng cộng 27.000.000 đồng và tính lại số tiền lãi suất 1%/ tháng từ ngày vay đến ngày xét xử theo quy định của pháp luật và khấu trừ số tiền lãi bị đơn đã trả cho nguyên đơn. Xét thấy, việc thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá yêu cầu khởi kiện ban đầu, căn cứ vào khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] Về nội dung:

[3] Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện là yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả lại cho nguyên đơn số tiền vay vốn gốc tổng cộng 27.000.000 đồng và tính lại số tiền lãi suất 1%/ tháng từ ngày vay đến ngày xét xử theo quy định của pháp luật và khấu trừ số tiền lãi bị đơn đã trả cho nguyên đơn. Tuy nhiên bị đơn cho rằng đã trả xong hết số tiền vay vốn gốc và lãi cho nguyên đơn, thậm chí còn hơn số tiền bị đơn nợ nguyên đơn.

[4] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4.1] Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn chị [Nguyễn Thị C](#) đều thừa nhận: Tin nhắn qua mạng xã hội Zalo ngày 18/10/2023 với nội dung “*Chi tong em thiếu chi 2 dây lon 21tr600 + 1 dây nhỏ 5tr400 phải kg chi*” nghĩa là “Chi tổng em thiếu chị 2 dây lớn 21.600.000 đồng + 1 dây nhỏ 5.400.000 đồng phải không chị”; “*Tong hết là 27tr*” nghĩa là “Tổng hết là 27.000.000 đồng” và nội dung đoạn ghi âm chị [C](#) có gửi cho chị [P](#) là do chị [C](#) dùng mạng xã hội Zalo gửi tin nhắn và đoạn ghi âm cho chị [P](#) với nội dung chị [C](#) còn nợ chị [P](#) tổng cộng 27.000.000 đồng, chị [C](#) xin tính lãi thêm 5.000.000 đồng, chị [C](#) trả dần làm 02 lần, cuối tháng 9 năm 2023 âm lịch chị [C](#) trả 16.000.000 đồng, cuối tháng 10 năm 2023 âm lịch chị [C](#) trả 16.000.000 đồng là dứt nợ. Lời khai thừa nhận của bị đơn là phù hợp với lời trình bày của nguyên đơn và phù hợp với Tờ giấy tập kê ngang do nguyên đơn nộp tại phiên tòa thể hiện bị đơn [C](#) vay tiền của nguyên đơn vào ngày 26/4/2023 vay số tiền 10.800.000 đồng, ngày 03/5/2023 vay số tiền 10.800.000 đồng, ngày 29/7/2023 vay số tiền 5.400.000 đồng, tổng cộng là 27.000.000 đồng. Theo khoản 2 Điều 92 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định “*Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phủ nhận những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh*”, căn cứ vào quy định này Hội đồng xét xử khẳng định bị đơn [C](#) có vay tiền của nguyên đơn Phương vào ngày 26/4/2023 vay số tiền 10.800.000 đồng, ngày 03/5/2023 vay số tiền 10.800.000 đồng, ngày 29/7/2023 vay số tiền 5.400.000 đồng, vay tổng cộng số tiền 27.000.000 đồng là sự thật.

[4.2] Xét về lãi suất do các bên thỏa thuận, từ khi vay đến ngày 18/10/2023 với số tiền lãi là 5.000.000 đồng của số tiền gốc 27.000.000 đồng là vượt quá giới hạn được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự và tại phiên tòa các đương sự thống nhất yêu cầu Tòa án xem xét tính lại mức lãi suất các bên đã thỏa thuận. Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu tính lãi suất 1%/tháng đối với số tiền đã cho bị đơn vay, Hội đồng xét xử xét thấy mức lãi suất này phù hợp với quy định

tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận, số tiền lãi được tính như sau:

[4.2.1] Số tiền lãi của số tiền 10.800.000 đồng vay ngày 26/4/2023 tính đến ngày 04/6/2025 là 25 tháng 10 ngày: $10.800.000 \text{ đồng} \times 25 \text{ tháng} \times 10 \text{ ngày} \times 1\%/\text{tháng} = 2.736.000 \text{ đồng}$.

[4.2.2] Số tiền lãi của số tiền 10.800.000 đồng vay ngày 03/5/2023 tính đến ngày 04/6/2025 là 25 tháng 02 ngày: $10.800.000 \text{ đồng} \times 25 \text{ tháng} \times 02 \text{ ngày} \times 1\%/\text{tháng} = 2.707.200 \text{ đồng}$.

[4.2.3] Số tiền lãi của số tiền 5.400.000 đồng vay ngày 29/7/2023 tính đến ngày 04/6/2025 là 22 tháng 07 ngày: $5.400.000 \text{ đồng} \times 22 \text{ tháng} \times 07 \text{ ngày} \times 1\%/\text{tháng} = 1.200.600 \text{ đồng}$.

[4.2.4] Tổng cộng số tiền lãi là: 6.643.800 đồng.

[5] Xét về số tiền lãi và số tiền vốn gốc bị đơn đã trả cho nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn cho rằng đã trả xong hết số tiền vay vốn gốc và lãi cho nguyên đơn, thậm chí còn nhiều hơn số tiền bị đơn nợ nguyên đơn. Tại lời khai ngày 27/11/2024 (bút lục 24), bị đơn khai đã trả tiền cho nguyên đơn qua các lần và các ngày như sau: Ngày 30/4/2023, bị đơn trả góp cho nguyên đơn số tiền 2.000.000 đồng; ngày 03/5/2023, bị đơn trả góp cho nguyên đơn số tiền 2.000.000 đồng; vào các ngày 08, 13, 18, 23, 28 tháng 5 năm 2023 và ngày 02/6/2023, mỗi ngày tương ứng với một lần trả tiền, mỗi lần bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 2.000.000 đồng. Ngày 09/6/2023, chồng bị đơn tên [Huỳnh Quốc T](#), cùng địa chỉ [ấp A, xã A](#) 3 với bị đơn đã chuyển khoản cho nguyên đơn trả dùm bị đơn số tiền 2.000.000 đồng. Đến các ngày 14, 19, 24, 29 tháng 6 năm 2023 và các ngày 04, 09, 14, 19, 24, 29 tháng 7 năm 2023, mỗi ngày tương ứng với một lần trả tiền, mỗi lần bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền 2.000.000 đồng. Ngày 11/8/2023, chồng bị đơn chuyển khoản cho nguyên đơn trả dùm bị đơn số tiền 1.000.000 đồng; ngày 30/8/2023, chồng bị đơn chuyển khoản cho nguyên đơn trả dùm bị đơn số tiền 300.000 đồng; ngày 15/9/2023, chồng bị đơn chuyển khoản cho nguyên đơn trả dùm bị đơn số tiền 600.000 đồng. Như vậy, tính từ ngày 26/4/2023 đến ngày 15/9/2023, thì bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền tổng cộng 39.900.000 đồng. Tuy nhiên, đến ngày 18/10/2023, bị đơn lại nhắn tin cho nguyên đơn thừa nhận còn nợ nguyên đơn số tiền nợ gốc tổng cộng 27.000.000 đồng và tự xin trả lãi cho nguyên đơn thêm số tiền 5.000.000 đồng. Do đó, bị đơn cho rằng đã trả hết nợ cho nguyên đơn là không có cơ sở để Hội đồng xét xử chấp nhận. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ thẩm, bị đơn chỉ chứng minh được các lần trả nợ cho nguyên đơn và được nguyên đơn thừa nhận qua chuyển khoản với số tiền như sau: Ngày 09/6/2023 số tiền 2.000.000 đồng; ngày 11/8/2023 số tiền 1.000.000 đồng; ngày 30/8/2023 số tiền 300.000 đồng; ngày 15/9/2023 số tiền 600.000 đồng; ngày 08/02/2024 số tiền 5.000.000 đồng; ngày 09/4/2024 số tiền 1.000.000 đồng, tổng cộng 9.900.000 đồng. Đối với số tiền bị đơn cho rằng trả trực tiếp cho nguyên đơn nhận thì nguyên đơn xác định bị đơn trả cho nguyên đơn vừa chuyển khoản, vừa trả trực tiếp được 6.600.000 đồng của số tiền vay 10.800.000 đồng vào ngày 11/4/2023

nhưng trong suốt quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết đối với số tiền vay này nên không có cơ sở để Hội đồng xét xử giải quyết trong vụ án này. Trường hợp các đương sự có tranh chấp thì được quyền khởi kiện thành một vụ án khác. Từ những nhận định nêu trên, Hội đồng xét xử khẳng định bị đơn đã trả cho nguyên đơn số tiền lãi và vốn gốc của số tiền vay vốn gốc tổng cộng 27.000.000 đồng với số tiền là 9.900.000 đồng.

[6] Căn cứ vào Điều 463 của Bộ luật Dân sự quy định “*Hợp đồng vay tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên cho vay giao tài sản cho bên vay; khi đến hạn trả, bên vay phải hoàn trả cho bên cho vay tài sản cùng loại theo đúng số lượng, chất lượng và chỉ phải trả lãi nếu có thỏa thuận hoặc pháp luật có quy định*” và tại khoản 1 Điều 466 của Bộ luật Dân sự quy định về nghĩa vụ của bên vay như sau: “*Bên vay tài sản là tiền thì phải trả đủ tiền khi đến hạn; nếu tài sản là vật thì phải trả vật cùng loại, đúng số lượng, chất lượng, trừ trường hợp có thỏa thuận khác*”.

[7] Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải có nghĩa vụ trả cho nguyên đơn số tiền vay vốn gốc còn nợ 27.000.000 đồng và số tiền lãi suất tổng cộng là 6.643.800 đồng. Tổng cộng số tiền vốn gốc và lãi là 33.643.800 đồng. Khấu trừ số tiền lãi và vốn gốc bị đơn đã trả cho nguyên đơn tổng cộng 9.900.000 đồng. Như vậy, bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền vay vốn gốc còn nợ tổng cộng là 23.743.800 đồng.

[8] Xét đề nghị của Kiểm sát viên về nội dung giải quyết vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[9] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên bị đơn chị [Nguyễn Thị C](#) phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 1.187.190 đồng.

[10] Nguyên đơn chị [Nguyễn Thị Kim P](#) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm nên được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí, lệ phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 92 và khoản 1 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
- Điều 463; khoản 1 Điều 466 và khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự;
- Khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị [Nguyễn Thị Kim P](#) về yêu cầu trả số tiền nợ vay vốn gốc và lãi suất đối với bị đơn chị [Nguyễn Thị C](#).

2. Xử buộc bị đơn chị [Nguyễn Thị C](#) phải trả cho nguyên đơn chị [Nguyễn Thị Kim P](#) số tiền vay vốn gốc còn nợ 27.000.000 đồng và số tiền lãi suất tổng cộng là 6.643.800 đồng. Tổng cộng số tiền vốn gốc và lãi là 33.643.800 đồng. Khấu trừ số tiền lãi và vốn gốc bị đơn đã trả cho nguyên đơn tổng cộng 9.900.000 đồng. Bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền vay vốn gốc còn nợ tổng cộng là 23.743.800 đồng (hai mươi ba triệu bảy trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm đồng).

Khi bản án có hiệu lực pháp luật, kể từ ngày nguyên đơn chị [Nguyễn Thị Kim P](#) có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, thì hàng tháng bị đơn chị [Nguyễn Thị C](#) còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

3. Về án phí:

3.1. Bị đơn chị [Nguyễn Thị C](#) phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 1.187.190 đồng.

3.2. Nguyên đơn chị [Nguyễn Thị Kim P](#) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho chị [Nguyễn Thị Kim P](#) số tiền tạm tạm ứng án phí sơ thẩm 650.000 đồng theo biên lai thu tiền số: 0004540 ngày 25 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Cù Lao Dung, tỉnh Sóc Trăng.

4. Nguyên đơn, bị đơn có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử theo trình tự phúc thẩm.

5. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Cù Lao Dung;
- Chi cục THADS huyện Cù Lao Dung;
- TAND tỉnh Sóc Trăng (P.TTKT & THA);
- Lưu hồ sơ;
- Lưu Tòa án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
Đã ký**

Đặng Phước Tuấn